

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **204** /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 28 -11- 2019

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lưu Thế Hùng

2. Ông Phạm Viết Nguyên.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:***

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 28/11/2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/9/2019 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn PT, xã ĐT, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn PC, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

**2. Bị đơn:** Anh Lưu Văn H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PT, xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện của chị Đ ngày 30/8/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Đ và anh Lưu Văn H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 29/01/2011 tại UBND xã ĐT, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Anh H không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho vợ con mà chỉ ham chơi, lơ đãng cờ bạc. Chị Đ và hai bên gia đình phân tích

khuyên giải nhưng anh H không nghe. Từ tháng 11/2017 vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ đó. Hiện tại không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Lưu Quang T, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Lưu Quang A, sinh ngày 19/02/2017. Hiện nay hai cháu đang ở với chị Đ. Nguyên vọng của chị được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án TAND huyện Yên Định tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho ông Lưu Quang C (bố đẻ anh H) đồng thời tiến hành niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng tại gia đình, tại UBND xã ĐT và tại TAND huyện Yên Định. Đồng thời thông báo bằng điện thoại cho anh H về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Đ và anh, yêu cầu anh H về làm việc. Quá thời hạn thông báo, niêm yết anh H không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không cung cấp địa chỉ hiện tại của mình. Vì vậy, Tòa án phải tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ.

*Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 9 năm 2019 ông Lưu Quang C và bà Vũ Thị Q là bố, mẹ đẻ của anh Lưu Văn H trình bày như sau:*

Anh H có hộ khẩu thường trú tại Thôn PT, xã ĐT, huyện Yên Định. Tuy nhiên anh H đi làm ăn ngoài Hà Nội được hơn một năm nay. Ông bà không biết địa chỉ cụ thể nơi anh H làm việc.

Mâu thuẫn từ đầu năm 2018 nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều. Chị Đ bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ đầu năm 2018, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông bà nhận định tình cảm vợ chồng khó mà đoàn tụ, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Ông bà thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ và anh H được ly hôn.

Về con chung: Ông C và bà Q trình bày vợ chồng chị Đ và anh H có 02 con chung là Lưu Quang T và cháu Lưu Quang A. Hiện nay hai cháu đang ở với chị Đ.

Về tài sản và nợ chung: Ông C và bà Q trình bày vợ chồng chị Đ và anh H không có tài sản chung và công nợ chung. Anh H làm ăn có nợ, nhưng ông bà đã đứng ra trả hết nợ cho anh H.

Ông bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi về. Ông bà đã thông báo cho anh H biết nhưng anh H không về được. Tại buổi làm việc bà Q đã

gọi điện cho anh H bật loa ngoài cho mọi người cùng nghe nội dung cuộc nói chuyện. Anh H trình bày: Do đi làm ăn xa không về được, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định. Nội dung trao đổi qua điện thoại được ghi vào biên bản xác minh lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa: Anh H vắng mặt, Chị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật TTDS. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX : Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Lưu Văn H; Về con chung giao 02 cháu là Lưu Quang T, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Lưu Quang A, sinh ngày 19/02/2017 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Đ phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án không niêm yết bản sao các văn bản tố tụng tại nơi cư trú là vi phạm quy định tại điều 79 bộ luật TTDS. Tuy nhiên, bị đơn đã được người thân thích thông báo về việc Tòa án giao nhận các văn bản tố tụng nên việc vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, Viện kiểm sát kiến nghị để Tòa án khắc phục.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1 } Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị Đ và anh H là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh H: Quá trình giải quyết anh H không có mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú. Hiện tại anh H ở đâu thì không cho nguyên đơn, gia đình và Tòa án biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho ông Lưu Quang C và bà Vũ Thị Q là bố mẹ đẻ của anh H để giao cho anh H. Đồng thời, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Thông báo cho anh H biết việc Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Đ và anh. Anh H đã biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn của mình, nhưng vẫn không về và

cũng cố tình không cung cấp địa chỉ nơi ở và làm việc hiện nay cho Toà án. Như vậy, đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ khoản 6 điều 9 Nghị quyết 05/2012/NQ - HĐTP TANDTC ngày 03/12/2012 và điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP TANDTC ngày 05/5/2017 Toà án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

Xét việc kiến nghị khắc phục vi phạm của đại diện VKS tại phiên tòa: Tòa án không niêm yết bản sao các văn bản tố tụng tại nơi cư trú là vi phạm quy định tại điều 79 bộ luật TTDS.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt và các văn bản tố tụng cho bị đơn và niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Đồng thời thông báo hợp lệ cho bị đơn. Anh H đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của mình và chấp nhận phương thức cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho người thân thích của mình. Như vậy Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại khoản 5 điều 177 và khoản 2 điều 179 BLTTDS. Kiến nghị khắc phục vi phạm của đại diện VKS tại phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận.

*{2} Về nội dung:*

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, anh H không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho vợ con, ham chơi lô đề, cờ bạc. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hai bên sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị Đ và anh H sống ly thân 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị Đ xin ly hôn, về phía anh H biết chị Đ xin ly hôn nhưng cũng không về để Tòa án hòa giải đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ anh H không muốn níu kéo xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, HĐXX xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị Đ và anh H có 02 con chung là Lưu Quang T, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Lưu Quang A, sinh ngày 19/02/2017. Hiện nay hai cháu đang

ở với chị Đ. Nguyên vọng của chị được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin nuôi con của chị Đ chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với nguyên vọng muốn ở với mẹ của cháu T. Anh H không về Tòa án để giải quyết nên giao con cho chị Đ là hợp lý. Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản và công nợ chung*: Chị Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Chị Đ khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 điều 227, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*:

*Về hôn nhân*: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Lưu Văn H.

*Về con chung*: Chị Đ và anh H có 02 con chung. Giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Quang T, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Lưu Quang A, sinh ngày 19/02/2017. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

*Về tài sản và công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị Đ đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0003349 ngày 05/9/2019. Chấp nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Quyền kháng cáo*: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã ĐT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Thắng**